

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, mã chứng khoán SBL xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 chênh lệch giữa báo cáo tài chính quý 4 đã công bố và báo cáo tài chính năm được kiểm toán từ 5% trở lên như sau:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 chênh lệch giữa báo cáo tài chính quý 4 đã công bố (39,3 tỷ) so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán (42,1 tỷ) nguyên nhân do Công ty điều chỉnh không trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019.

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu

GIÁM ĐỐC *nhai*  
  
TRỊNH CÔNG VINH



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

6003000028

ngày 22 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6003000028 ngày 13 tháng 7 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh  
Ông Nguyễn Văn Đồi  
Ông Nguyễn Xuân Hải  
Ông Phạm Hồng Minh  
Ông Trần Nguyên Trung

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Tấn Phiên  
Bà Dương Thị Thúy Hồng  
Bà Trần Thị Ngọc Diệp

Trưởng ban  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Công Vinh  
Ông Trần Văn Sang  
Ông Huỳnh Vạn Đồng

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha  
Phường 8, Thành phố Bạc Liêu  
Tỉnh Bạc Liêu  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**


Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Phạm Thị Hồng Hạnh  
Chủ tịch

Bạc Liêu, ngày 11 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Kết luận của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 20 tháng 3 năm 2018.

### **Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00300-19-2



  
Hà Vũ Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>57.713.882.298</b>	<b>117.722.991.416</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.838.430.336</b>	<b>42.021.763.845</b>
Tiền	111		288.430.336	421.763.845
Các khoản tương đương tiền	112		1.550.000.000	41.600.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.759.645.610</b>	<b>40.108.699.288</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	12.147.859.540	21.276.794.660
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.634.956.740	17.936.015.156
Phải thu ngắn hạn khác	136		57.000.330	895.889.472
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(3.080.171.000)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>35.631.268.073</b>	<b>34.257.289.187</b>
Hàng tồn kho	141		36.455.658.009	34.257.289.187
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(824.389.936)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>484.538.279</b>	<b>1.335.239.096</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		484.538.279	1.335.239.096
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>310.214.519.437</b>	<b>185.609.722.830</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		5.000.000	5.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>301.166.036.190</b>	<b>171.856.194.567</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	301.005.024.742	171.680.906.592
Nguyên giá	222		464.768.979.066	355.378.653.786
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(163.763.954.324)	(183.697.747.194)
Tài sản cố định vô hình	227	10	161.011.448	175.287.975
Nguyên giá	228		336.516.165	313.633.827
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(175.504.717)	(138.345.852)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.397.736.339</b>	<b>4.663.206.325</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.397.736.339	4.663.206.325
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.645.746.908</b>	<b>9.085.321.938</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	7.645.746.908	9.085.321.938
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>367.928.401.735</b>	<b>303.332.714.246</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>167.874.989.925</b>	<b>102.936.734.725</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>91.007.562.168</b>	<b>102.936.734.725</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	7.661.538.650	8.735.222.214
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.715.000.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	51.408.822.453	43.962.622.286
Phải trả người lao động	314		6.149.781.112	5.155.936.346
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.394.327.532	484.239.146
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	180.969.693
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	999.325.366	12.210.072.100
Vay ngắn hạn	320	17(a)	20.686.453.588	28.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	1.707.313.467	1.492.672.940
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>76.867.427.757</b>	-
Vay dài hạn	338	17(b)	76.867.427.757	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>200.053.411.810</b>	<b>200.395.979.521</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>200.053.411.810</b>	<b>200.395.979.521</b>
Vốn cổ phần	411	20	120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	27.919.729.439	27.919.729.439
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.013.682.371	52.356.250.082
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		26.036.981.506	22.547.724.142
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		25.976.700.865	29.808.525.940
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>367.928.401.735</b>	<b>303.332.714.246</b>


Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thảo  
 Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
 Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>286.069.769.714</b>	<b>296.068.525.474</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>228.593.160.843</b>	<b>231.727.785.177</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>57.476.608.871</b>	<b>64.340.740.297</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.770.601.949	366.024.772
Chi phí tài chính	22	27	5.022.047.868	828.950.523
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.736.751.429	742.475.192
Chi phí bán hàng	25		713.729.072	2.477.127.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	19.307.382.952	12.033.588.404
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>35.204.050.928</b>	<b>49.367.098.175</b>
Thu nhập khác	31	29	10.735.211.730	355.956.708
Chi phí khác	32		350.834.596	466.132.560
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>10.384.377.134</b>	<b>(110.175.852)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>45.588.428.062</b>	<b>49.256.922.323</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>3.495.058.730</b>	<b>4.493.493.519</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>42.093.369.332</b>	<b>44.763.428.804</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.163	3.290


Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>45.588.428.062</b>	<b>49.256.922.323</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		29.968.264.382	24.370.702.425
Các khoản dự phòng	03		3.904.560.936	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	20.115.805
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.955.215.424)	(366.024.772)
Chi phí lãi vay	06		3.736.751.429	742.475.192
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>72.242.789.385</b>	<b>74.024.190.973</b>
Biến động các khoản phải thu	09		13.826.658.606	(7.267.955.574)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.198.368.822)	6.490.109.530
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		11.166.784.041	(43.850.406.615)
Biến động chi phí trả trước	12		2.290.275.847	6.389.489.375
			<b>97.328.139.057</b>	<b>35.785.427.689</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.638.706.825)	(696.447.795)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.808.720.710)	(4.005.822.852)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.458.639.010)	(4.608.040.230)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>84.422.072.512</b>	<b>26.475.116.812</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(167.239.171.629)	(25.008.682.969)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		20.640.000.000	2.859.910.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27		477.588.263	366.024.772
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(146.121.583.366)</b>	<b>(21.782.748.197)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã Thuyết số minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	395.539.441.536	321.717.230.548
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(325.985.560.191)	(293.717.230.548)
Tiền chi trả cổ tức	36	(48.037.704.000)	(30.030.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>21.516.177.345</b>	<b>(2.030.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(40.183.333.509)</b>	<b>2.662.368.615</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>42.021.763.845</b>	<b>39.359.395.230</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b> <b>5</b>	<b>1.838.430.336</b>	<b>42.021.763.845</b>

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:



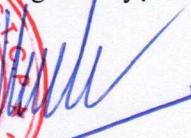
Trần Thị Thảo  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc



*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh cồn – rượu; kinh doanh kho bãi và vận tải hàng hóa liên tỉnh.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 120 nhân viên (1/1/2018: 122 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

#### **(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 33,294 tỷ VND. Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 17). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty liên quan là Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn và tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

#### **(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### **(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 5 – 20 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 10 năm     |
| ▪ thiết bị quản lý       | 3 – 8 năm  |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 8 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí nâng cấp**

Chi phí nâng cấp tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế định kỳ máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) *Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ công tác xã hội cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và phân phối bia. Hoạt động khác là kinh doanh dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa liên tỉnh. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	6.034.423	72.435.440
Tiền gửi ngân hàng	282.395.913	349.328.405
Các khoản tương đương tiền (*)	1.550.000.000	41.600.000.000
	1.838.430.336	42.021.763.845

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất từ 4,1% đến 4,3% một năm (1/1/2018: 4,3% một năm).

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	6.121.281.540	18.116.463.860
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Minh Hải – PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	3.080.171.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre	2.890.000.000	-
Các khách hàng khác	56.407.000	80.159.800
	12.147.859.540	21.276.794.660

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	6.121.281.540	18.116.463.860
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre	2.890.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam	15.661.800	-

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Giá gốc VND	31/12/2018 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khu vực Minh Hải – PGD Bạc Liêu	3.080.171.000	(3.080.171.000)	-

Số dư dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2017: Không).

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	11.107.324.014	-	10.485.693.329	-
Công cụ và dụng cụ	4.683.343.229	(824.389.936)	8.427.358.495	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.082.409.556	-	10.370.389.515	-
Thành phẩm	8.524.675.971	-	4.651.180.462	-
Hàng hóa	57.905.239	-	322.667.386	-
	36.455.658.009	(824.389.936)	34.257.289.187	-

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 phản ánh số dự phòng trích lập trong năm (2017: Không).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	97.216.555.847	251.938.262.472	4.759.691.318	1.464.144.149	355.378.653.786
Tăng trong năm	653.925.835	1.312.473.000	1.239.277.272	-	3.205.676.107
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	6.940.480.779	164.581.439.620	-	-	171.521.920.399
	-	(65.300.660.317)	-	(36.610.909)	(65.337.271.226)
Số dư cuối năm	104.810.962.461	352.531.514.775	5.998.968.590	1.427.533.240	464.768.979.066
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	22.556.077.154	156.952.833.826	3.229.346.283	959.489.931	183.697.747.194
Khấu hao trong năm	4.164.280.821	25.054.844.175	506.951.023	205.029.498	29.931.105.517
Thanh lý	-	(49.856.966.021)	-	(7.932.366)	(49.864.898.387)
Số dư cuối năm	26.720.357.975	132.150.711.980	3.736.297.306	1.156.587.063	163.763.954.324
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	74.660.478.693	94.985.428.646	1.530.345.035	504.654.218	171.680.906.592
Số dư cuối năm	78.090.604.486	220.380.802.795	2.262.671.284	270.946.177	301.005.024.742

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 7.301 triệu VND (1/1/2018: 2.273 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 259.723 triệu VND (1/1/2018: 108.408 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 17).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa trong tài sản cố định hữu hình là 2.359 triệu VND (2017: Không).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	313.633.827
Tăng trong năm	22.882.338
Số dư cuối năm	336.516.165
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	138.345.852
Khấu hao trong năm	37.158.865
Số dư cuối năm	175.504.717
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	175.287.975
Số dư cuối năm	161.011.448

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	4.663.206.325	4.868.443.877
Tăng trong năm	171.287.608.616	7.044.831.926
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(171.521.920.399)	(2.574.563.753)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(3.031.158.203)	(4.675.505.725)
Số dư cuối năm	1.397.736.339	4.663.206.325

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Dây chuyền chiết	-	4.286.650.377
Các công trình khác	1.397.736.339	376.555.948
	1.397.736.339	4.663.206.325

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí nâng cấp VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.614.660.174	340.493.675	5.130.168.089	9.085.321.938
Tăng trong năm	1.261.621.817	209.886.364	2.521.143.431	3.992.651.612
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	3.031.158.203	3.031.158.203
Phân bổ trong năm	(2.391.155.312)	(287.575.444)	(5.784.654.089)	(8.463.384.845)
Số dư cuối năm	2.485.126.679	262.804.595	4.897.815.634	7.645.746.908

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	1.295.023.699	617.388.182
Công ty Cổ phần Công nghiệp Mê Kông Bạc Liêu	875.216.667	1.298.898.155
Công ty TNHH MTV Lương thực Vĩnh Lộc	851.275.000	332.203.750
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	814.325.684	622.772.453
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Sự kiện Tây Nam	-	1.125.124.150
Các nhà cung cấp khác	3.825.697.600	4.738.835.524
	7.661.538.650	8.735.222.214

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	1.295.023.699	617.388.182
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	814.325.684	622.772.453

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>1/1/2018 VND</b>	<b>Số phát sinh trong năm VND</b>	<b>Số đã nộp/cán trừ trong năm VND</b>	<b>31/12/2018 VND</b>
Thuế tiêu thụ đặc biệt	37.267.853.813	296.936.995.513	(290.095.003.980)	44.109.845.346
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.672.581.437	3.495.058.730	(3.808.720.710)	1.358.919.457
Thuế giá trị gia tăng	4.907.959.291	58.473.177.415	(57.532.886.501)	5.848.250.205
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	14.543.017.308	(14.543.017.308)	-
Thuế thu nhập cá nhân	55.291.945	2.959.802.592	(2.942.017.412)	73.077.125
Thuế tài nguyên	48.326.320	223.954.000	(253.550.000)	18.730.320
Các loại thuế khác	10.609.480	1.777.565.922	(1.788.175.402)	-
	<b>43.962.622.286</b>	<b>378.409.571.480</b>	<b>(370.963.371.313)</b>	<b>51.408.822.453</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Chi phí nhân viên	1.300.000.000	-
Chi phí lãi vay	144.072.001	46.027.397
Chi phí khác	950.255.531	438.211.749
	<b>2.394.327.532</b>	<b>484.239.146</b>

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Cổ tức phải trả	10.296.000	12.012.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	130.000.000
Phải trả khác	789.029.366	68.072.100
	<b>999.325.366</b>	<b>12.210.072.100</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2018	Biến động trong năm	31/12/2018
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	28.000.000.000	289.390.000.000	2.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	18.086.453.588	18.086.453.588
	28.000.000.000	307.476.453.588	20.686.453.588

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	5,0% - 6,2%	2.600.000.000	28.000.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 70.000 triệu VND.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	94.953.881.345	-
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(18.086.453.588)	-
	<hr/>	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	76.867.427.757	-
	<hr/>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4	VND	7,5%-7,93%	2024	94.953.881.345	-
				<hr/>	

Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 có hạn mức tín dụng là 107.000 triệu VND.

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 259.723 triệu VND (1/1/2018: 108.408 triệu VND) (Thuyết minh 9).

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.492.672.940	3.157.810.306
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	2.999.937.043	1.342.902.864
Sử dụng trong năm	(2.785.296.516)	(3.008.040.230)
	<hr/>	
Số dư cuối năm	1.707.313.467	1.492.672.940
	<hr/>	

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	120.120.000.000	22.540.284.062	57.957.169.519	200.617.453.581
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	44.763.428.804	44.763.428.804
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(42.042.000.000)	(42.042.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	5.379.445.377	(5.379.445.377)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(1.342.902.864)	(1.342.902.864)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	52.356.250.082	200.395.979.521
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	42.093.369.332	42.093.369.332
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(36.036.000.000)	(36.036.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	(2.999.937.043)	(2.999.937.043)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(3.400.000.000)	(3.400.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	120.120.000.000	27.919.729.439	52.013.682.371	200.053.411.810

## Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

### 20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	12.012.000	120.120.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### 21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 15 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 36.036 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, trong đó 12.012 triệu VND đã được ứng trước cho các cổ đông trong năm 2017 (2017: 30.030 triệu VND, tương đương 2.500 VND/cổ phiếu).

Tại cuộc họp ngày 22 tháng 10 năm 2018, Hội đồng quản trị của Công ty cũng đã quyết định ứng trước khoản cổ tức cho các cổ đông là 12.012 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 (2017: 12.012 triệu VND, tương đương 1.000 VND/cổ phiếu).

### 22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	352.467.358	172.467.358
Từ hai đến năm năm	1.032.397.877	839.337.989
Sau năm năm	12.125.695.008	12.374.919.134
	<hr/>	<hr/>
	13.510.560.243	13.386.724.481
	<hr/>	<hr/>

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	279.081.053.367	292.278.118.058
▪ Cung cấp dịch vụ	896.827.896	1.033.348.452
▪ Doanh thu khác	6.091.888.451	2.757.058.964
	<hr/>	<hr/>
	286.069.769.714	296.068.525.474
	<hr/>	<hr/>

**25. Giá vốn hàng bán**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	224.102.455.294	231.029.577.773
▪ Dịch vụ đã cung cấp	292.441.671	564.623.916
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	824.389.936	-
▪ Giá vốn khác	3.373.873.942	133.583.488
	<hr/>	<hr/>
	228.593.160.843	231.727.785.177
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi	477.588.263	366.024.772
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	2.293.013.686	-
	<hr/> 2.770.601.949	<hr/> 366.024.772

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	3.736.751.429	742.475.192
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.285.296.439	86.475.331
	<hr/> 5.022.047.868	<hr/> 828.950.523

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	7.375.561.818	5.758.007.233
Dự phòng phải thu khó đòi	3.080.171.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.853.185.419	1.251.107.785
Chi phí khấu hao và phân bổ	122.356.669	119.886.961
Chi phí quản lý khác	6.876.108.046	4.904.586.425
	<hr/> 19.307.382.952	<hr/> 12.033.588.404

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Thu nhập khác**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	10.477.627.161	-
Thu nhập khác	257.584.569	355.956.708
	<hr/> 10.735.211.730	<hr/> 355.956.708

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	155.551.186.363	156.097.990.343
Chi phí nhân công và nhân viên	29.112.185.405	29.904.129.749
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.968.264.382	24.370.702.425
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.579.523.168	22.653.799.453
Chi phí khác	19.988.629.099	11.876.738.413
	<hr/> 155.551.186.363	<hr/> 156.097.990.343

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	3.495.058.730	3.803.316.566
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	690.176.953
	<hr/> 3.495.058.730	<hr/> 4.493.493.519

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	45.588.428.062	49.256.922.323
Thuế theo thuế suất của Công ty	6.838.264.209	7.388.538.348
Chi phí không được khấu trừ thuế	151.853.251	218.094.782
Ưu đãi thuế	(3.495.058.730)	(3.803.316.564)
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	690.176.953
	<b>3.495.058.730</b>	<b>4.493.493.519</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế suất thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên (2009). Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ 2009 đến 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ 2012 đến 2018).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	42.093.369.332	44.763.428.804
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội (*)	(4.104.668.467)	(5.238.171.440)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<b>37.988.700.865</b>	<b>39.525.257.364</b>

(\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội được ước tính dựa vào số được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2017. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 12.012.000 cổ phiếu.

**33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn</b>		
Bán hàng hóa (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	279.081.053.367	292.278.118.058
Mua nguyên vật liệu	103.728.211.097	111.642.559.127
Giao dịch khác	567.122.700	2.166.304.800
<b>Cty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco</b>		
Cung cấp dịch vụ	26.576.439	-
Mua dịch vụ	2.272.745.300	-
Tạm ứng	-	686.909.949
<b>Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng</b>		
Cung cấp dịch vụ	20.800.000	-
Cho mượn nguyên vật liệu	437.671.387	-
Giao dịch khác	8.712.000	5.544.000
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây</b>		
Giao dịch khác	15.225.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Mua vỏ chai	351.328.320	-
Chi phí sử dụng vỏ chai	1.622.221.979	1.432.172.453
<b>Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Bán hàng hóa	-	230.530.783
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu tại Bạc Liêu</b>		
Mua hàng hóa	102.198.350	-
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Miền Tây</b>		
Cổ tức	7.207.200.000	8.408.400.000
Chi phí thuê	-	190.514.320



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre</b>		
Bán hàng	-	2.715.000.000
Bán tài sản cố định và công cụ dụng cụ	29.007.249.767	-
<b>Chi nhánh Công ty TNHH Thủy Tinh Malaya Việt Nam</b>		
Giao dịch khác	48.321.000	-
<b>Công Ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	6.641.250
<b>Công Ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long</b>		
Bán hàng hóa	-	56.846.790
Giao dịch khác	-	9.355.500
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Lương, thưởng và các quyền lợi khác	8.745.405.848	5.293.382.953

**34. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Thị Thảo  
Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:



Trần Thị Chất  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trịnh Công Vinh  
Giám đốc

